**Thứ ba ngày 28 tháng 4 năm 2020**

**TOÁN**

**LUYỆN TẬP ( SGK/134)**

1. **MỤC TIÊU:**

- Lập được bảng nhân 1 với bảng chia 1.

- Củng cố về phép nhân có thừa số là 1 và 0, phép chia có số bị chia là 0

1. **HƯỚNG DẪN:**

- Học sinh biết bảng nhân 1

- Học sinh biết bảng chia 1

- Thực hiện phép tính có số 1:

* Số 1 nhân với số nào cũng bằng chính số đó. ( ví dụ: 1 x 2 = 2)
* Số nào nhân với 1 cũng bằng chính số đó. ( ví dụ: 2 x 1 = 2)
* Số nào chia cho 1 cũng bằng chính số đó. ( ví dụ: 3 : 1 = 3)
* Số 1 cộng với số nào cũng bằng số lớn tiếp theo của số đó( ví dụ: 1+ 2 = 3 )
* Số nào cộng với số 1 sẽ bằng số lớn tiếp theo của số đó ( ví dụ: 2 + 1= 3)

- Thực hiện phép tính có số 0:

* Số 0 nhân với số nào cũng bằng 0. ( ví dụ: 0 x 1 = 0)
* Số nào nhân với 0 cũng bằng 0. ( ví dụ: 2 x 0 = 0)
* Số 0 chia cho số nào khác 0 cũng bằng 0. ( 0 : 1 = 0)
* Không có phép chia cho 0.
* Số nào cộng với 0 cũng bằng chính số đó. ( 3 + 0 = 3)
* Số 0 cộng với số nào khác 0 cũng bằng chính số đó. ( 0 + 3 = 3)

1. **LUYỆN TẬP: ( HS làm vào vở trắng)**
2. ***SGK / 134***

a) Lập bảng nhân 1: b) Lập bảng chia 1:

1 x 1 =

1 x 2 =

1 x 3 =

1 x 4 =

1 x 5 =

1 x 6 =

1 x 7 =

1 x 8 =

1 x 9 =

1 x 10 =

1 : 1 =

2 : 1 =

3 : 1 =

4 : 1 =

5 : 1 =

6 : 1 =

7 : 1 =

8 : 1 =

9 : 1 =

10 : 1 =

1. ***Tính nhẩm: ( SGK / 134)***

a/ 0 + 3 = b/ 5 + 1 = c/ 4 : 1 =

3 + 0 = 1 + 5 = 0 : 2 =

0 x 3 = 1 x 5 = 0 : 1 =

3 x 0 = 5 x 1 = 1 : 1 =

**Thứ ba ngày 28 tháng 4 năm 2020**

**TOÁN**

**LUYỆN TẬP CHUNG ( SGK / 135)**

1. **MỤC TIÊU**

- Rèn kĩ năng tìm thừa số, số bị chia.

- Dựa vào bảng nhân chia đã học để nhẩm kết quả của các phép tính có dạng số tròn chục nhân, chia với số nhỏ hơn 5 và khác 0.

- Giải bài toán có lời văn bằng một phép tính chia.

1. **LUYỆN TẬP**
2. ***Tính nhẩm: ( sgk/ 135)***

2 x 3 =

6 : 2 =

6 : 3 =

3 x 4 =

12 : 3 =

12 : 4 =

4 x 5 =

20 : 4 =

20 : 5 =

5 x 1 =

5 : 5 =

5 : 1 =

1. ***Tính nhẩm ( theo mẫu )***

20 x 2 = ?

2 chục x 2 = 4 chục

20 x 2 = 40

30 x 3 =

20 x 4 =

40 x 2 =

20 x 3 =

30 x 2 =

20 x 5 =

40 : 2 = ?

4 chục : 2 = 2 chục

40 : 2 = 20

60 : 2 =

80 : 2 =

90 : 3 =

60 : 3 =

80 : 4 =

80 : 2 =

***3a/ Tìm x:***

X x 3 = 15 ; 4 x X = 28

b/ Tìm y:

Y : 2 = 2 ; y : 5 = 3

Thứ ba ngày 28 tháng 4 năm 2020

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP ( Tiết 3)**

**I .** **MỤC TIÊU**:

- Đọc rõ ràng, rành mạch các bài tập đọc đã học từ tuần 19 đến tuần 26.

- Học sinh trả lời được 1, 2 câu hỏi về bài đọc.

- Ôn cách đặt và trả lời câu hỏi “Ở đâu?”

- Ôn cách đáp lời xin lỗi người khác.

**II. HƯỚNG DẪN HỌC SINH THỰC HIỆN:**

**Bài tập 1:**

Học sinh đọc lại các bài tập đọc đã học từ tuần 19 đến tuần 26; hiểu nội dung của đoạn, bài (trả lời được câu hỏi về nội dung đoạn đọc).

**Bài tập 2: Học sinh viết vào vở:**

**Tìm (gạch dưới) bộ phận câu trả lời cho câu hỏi “Ở đâu?”**

1. Hai bên bờ sông, hoa phượng vĩ nở đỏ rực.
2. Chim đậu trắng xóa trên những cành cây.

*Phụ huynh hướng dẫn học sinh đọc kĩ từng câu và gạch dưới bộ phận câu trả lời cho câu hỏi “Ở đâu?”*

**Đáp án:**

1. Hai bên bờ sông, hoa phượng vĩ nở đỏ rực.
2. Chim đậu trắng xóa trên những cành cây.

**Bài tập 3: Học sinh viết vào vở:**

**Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được in đậm:**

1. Hoa phượng vĩ nở đỏ rực **hai bên bờ sông.**

.....................................................................................................................

1. **Trong vườn**, trăm hoa khoe sắc thắm.

...................................................................................................................

*Phụ huynh hướng dẫn học sinh đọc kĩ từng câu, thay bộ phận câu in đậm bằng từ để hỏi “Ở đâu?”, cuối câu hỏi đặt dấu chấm hỏi.*

**Đáp án:**

1. Hoa phượng vĩ nở đỏ rực **ở đâu?**
2. **Ở đâu,** trăm hoa khoe sắc thắm?

**Bài tập 4: Nói lời đáp của em:**

1. Khi bạn xin lỗi vì đã vô ý làm bẩn quần áo em.
2. Khi chị xin lỗi vì đã trách mắng lầm em.
3. Khi bác hàng xóm xin lỗi vì làm phiền gia đình em.

*Phụ huynh cùng học sinh thực hành đối đáp*

**Ví dụ: (có nhiều cách đồi đáp)**

1. Lần sau bạn hãy cẩn thận hơn nhé! / Thôi không sao, mình sẽ giặt ngay...
2. Bây giờ chị hiểu em là được./ Lần sau chị đừng vội trách em nhé./....
3. Dạ, không sao đâu bác./ Bố mẹ cháu bảo hàng xóm nên giúp đỡ lẫn nhau ạ!/.....

Thứ ba ngày 28 tháng 4 năm 2020

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP ( Tiết 4)**

**I .** **MỤC TIÊU**:

- Đọc rõ ràng, rành mạch các bài tập đọc đã học từ tuần 19 đến tuần 26.

- Học sinh trả lời được 1, 2 câu hỏi về bài đọc.

- Mở rộng vốn từ về chim chóc qua trò chơi.

- Viết được đoạn văn ngắn từ 3 – 4 câu về một loài chim (hoặc gia cầm)

**II. HƯỚNG DẪN HỌC SINH THỰC HIỆN:**

**Bài tập 1:**

Học sinh đọc lại các bài tập đọc đã học từ tuần 19 đến tuần 26; hiểu nội dung của đoạn, bài (trả lời được câu hỏi về nội dung đoạn đọc).

**Bài tập 2: Trò chơi mở rộng vốn từ về chim chóc: nói hoặc làm động tác đố nhau tên, đặc điểm và hoạt động của loài chim.**

**Ví dụ:**

1. Con gì biết bơi, lên bờ đi lạch bà lạch bạch? **=> con vịt**
2. Chim gì màu lông sặc sỡ, bắt chước tiếng người rất giỏi? **=> con vẹt**
3. Làm động tác: Vẫy hai cánh tay, sau đó 2 bàn tay chụm đưa lên miệng **=> gà trống gáy**

**Bài tập 3: Học sinh viết vào vở:**

**Viết một đoạn văn ngắn khoảng 3 đến 4 câu về một loài chim hoặc gia cầm (gà, vịt, ngỗng,...) mà em biết.**

**Gợi ý:**

1.Loài chim hoặc gia cầm mà em biết là gì ? Ở đâu ?

2. Đặc điểm của chim hoặc gia cầm (mỏ, lông, chân,...)

3. Hoạt động của chim hoặc gia cầm như thế nào ?

4. Tình cảm của em đối với chim hoặc gia cầm.

Thứ ba ngày 28 tháng 4năm 2020

**TIẾNG VIỆT (Tuần 27)**

**ÔN TẬP ( Tiết 5)**

**I . MỤC TIÊU**

- Hiểu nội dung của đoạn, bài (trả lời được câu hỏi về nội dung đoạn đọc).

- Biết cách đặt và trả lời câu hỏi với như thế nào? (bài tập 2, bài tập 3); biết đáp lời khẳng định, phủ định trong tình huống cụ thể (1 trong 3 tình huống ở bài tập 4).

**II HƯỚNG DẪN HỌC SINH THỰC HIỆN:**

***Bài 1: Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng :***

- Học sinh đọc lại đọc rõ ràng, rành mạch các bài tập đọc đã học từ tuần 19 đến tuần 26 (phát âm rõ ràng tốc độ khoảng 45 tiếng/phút); hiểu nội dung của đoạn, bài (trả lời được câu hỏi về nội dung đoạn đọc).

***Bài 2: Tìm bộ phận câu trả lời câu hỏi “ Như thế nào?”***

- Bài tập yêu cầu chúng ta làm : Tìm bộ phận câu trả lời câu hỏi “ Như thế nào?”

- Câu hỏi “Như thế nào?” dùng để hỏi về đặc điểm.

Câu a : Mùa hè, hai bên bờ sông hoa phượng vĩ nở như thế nào?

( đáp án : Đỏ rực )

Câu b : Ve như thế nào ca hát suốt mùa hè ?

( đáp án : nhởn nhơ ca hát )

***Bài 3: Đặt câu hỏi cho bộ phận trong câu trên được in đậm?***

- Bài tập yêu cầu : Đặt câu hỏi cho bộ phận trong câu trên được in đậm?

- Bộ phận nào trong câu trên được in đậm?

(Lưu ý HS dấu câu phải là dấu chấm hỏi )

1. Chim đậu **trắng xóa** trên những cành cây.

………………………………………………………………………..

1. Bông cúc sung sướng **khôn tả** .

……………………………………………………………………..

( gợi ý đáp án : a)Trên những cành cây, chim đậu như thế nào?/ Chim đậu như thế nào trên những cành cây? b) Bông cúc sung sướng như thế nào? )

***Bài 4 : Nói lời đáp của em trong những trường hợp sau:***

- Bài tập yêu cầu các em đáp lại lời khẳng định hoặc phủ định của người khác.

- Hs đọc và thực hiện vào vở.

Nói lời đáp của em trong những trường hợp sau:

1. Ba em nói rằng tối nay ti vi chiếu bộ phim em thích.

……………………………………………………………………………

1. Bạn em báo tin bài làm của em được điểm cao .

……………………………………………………………………………

1. Cô giáo ( thấy giáo) cho biết lớp em không đoạt giải Nhất trong tháng thi đua này .

……………………………………………………………………………

Đáp án:

a) Ôi, thích quá! Cảm ơn ba đã báo cho con biết./ Thế ạ? Con sẽ chờ để xem nó./ Cảm ơn ba ạ./…

b) Thật à? Cảm ơn cậu đã báo với tớ tin vui này./ Ôi, thật thế hả? Tớ cảm ơn bạn, tớ mừng quá./ Oâi, tuyệt quá. Cảm ơn bạn./…

c) Tiếc quá, tháng sau chúng em sẽ cố gắng nhiều hơn ạ./ Thưa cô, tháng sau nhất định chúng em sẽ cố gắng để đoạt giải nhất./ Thầy (cô) đừng buồn. Chúng em hứa tháng sau sẽ cố gắng nhiều hơn ạ./…

Thứ ba ngày 28 tháng 4 năm 2020

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP ( Tiết 6)**

**I .** **MỤC TIÊU**:

- Hiểu nội dung của đoạn, bài (trả lời được câu hỏi về nội dung đoạn đọc).

- Nắm được một số từ ngữ về muông thú (bài tập 2); kể ngắn về con vật mình biết (bài tập 3).

- Đọc rõ ràng, rành mạch các bài tập đọc đã học từ tuần 19 đến tuần 26.

**II. HƯỚNG DẪN HỌC SINH THỰC HIỆN:**

**Bài tập 1:**

Học sinh đọc lại các bài tập đọc đã học từ tuần 19 đến tuần 26; hiểu nội dung của đoạn, bài (trả lời được câu hỏi về nội dung đoạn đọc).

**Bài tập 2: Trò chơi mở rộng vốn từ về muông thú:**

Phụ huynh hướng dẫn học sinh trả lời một số câu đố về tên các con vật thuộc chủ đề muông thú:

Ví dụ:

1. Con vật này có bờm và đựơc mệnh danh là vua của rừng xanh. (Đáp án: con sư tử)
2. Con gì có cổ rất dài ? (Đáp án: con hươu cao cổ)
3. Con gì rất trung thành với chủ ? (Đáp án: con chó)
4. Nhát như ...? (Đáp án: con thỏ)
5. Con gì được nuôi trong nhà để bắt chuột ? (Đáp án: con mèo)

Phụ huynh hướng dẫn học sinh nêu một từ chỉ hoạt động hoặc đặc điểm của một số con vật:

Ví dụ:

a) Cáo được mênh danh là con vật như thế nào? (Đáp án: tinh ranh)

b) Con hổ là con vật như thế nào ? (Đáp án: dữ tợn)

c) Sóc chuyền cành như thế nào? (Đáp án: khéo léo, nhanh nhẹn)

d) Gấu trắng có tính gì ? (Đáp án: tò mò)

e) Voi kéo gỗ như thế nào? (Đáp án: rất khỏe, ...)

**Bài tập 3:**  **Thi kể chuyện về các con vật mà em biết**

Học sinh có thể kể lại một câu chuyện em biết về một con vật mà em được đọc hoặc nghe kể, có thể kể về hoạt động, hình dáng của một con vật mà em biết.